

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày: 13.11.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Châu Văn Ấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường THPT huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Đặng Văn S (tên gọi khác È), sinh năm 1995; Nơi sinh: huyện V Th, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: ấp Kinh 2, xã T Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Kinh 2, xã T Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1969; vợ không; con không; tiền sự không; tiền án 01 tiền án ngày 22/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày

28/02/2017, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2018 cho đến nay (có mặt).

2/ Lê Văn H, sinh năm 1991; Nơi sinh: huyện G R, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: ấp M C A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp M C A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949; vợ không; con không; tiền sự không; tiền án không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2018 đến ngày 24/9/2018 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: không*

** Người bào chữa cho bị cáo: không.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Huỳnh Thị K, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 2, xã T Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang.

** Bị hại:*

1/ Nguyễn Thị Bé Th1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trần Bảo Đ1, sinh năm 1989 (chồng Bé Th1 có mặt)

Đồng cư trú: Ấp M D, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

2/ Lê Chiến Th2, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M K A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

3/ Đặng Văn T1, sinh năm 1977 (cha ruột Sĩ có mặt)

Đặng Phú S1, sinh ngày 01/01/2000 (vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp M T, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

4/ Đặng Thị B, sinh năm 1980 (vợ ông T2 có mặt)

Lê Văn T2, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp Kinh 3, xã V Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang.

5/ Phạm Kim H2, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M C A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

6/ Ngô Quốc V, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M C, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

7/ Lê Hoàng D, sinh năm 1956 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 3, phường 5, thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

** Người làm chứng: Không.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn S cùng Phạm Trọng H3 và Lê Văn H là bạn bè quen biết nhau từ trước. Vào cuối năm 2017, S, H3 là những đối tượng nghiện ma túy, thường sử dụng ma túy đa chung với nhau. Để có tiền mua ma túy đá sử dụng, S, H3 đã lợi dụng lúc đêm tối sự sơ hở của các bị hại thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện U M T và huyện V Th, tỉnh Kiên Giang, sau đó đem tài sản trộm được đến phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau để đổi ma túy đá của Lê Thanh H4 sử dụng. Từ ngày 27/11/2017 đến ngày 21/5/2018 Đặng Văn S đã thực hiện tổng cộng 7 vụ trộm cắp tài sản (trong đó cùng Phạm Trọng H3 thực hiện 5 vụ, cùng Lê Văn H thực hiện 1 vụ). Cụ thể như sau:

*** Vụ thứ 1:** Vào khoảng 20 giờ ngày 27/11/2017 Đặng Văn S và Phạm Trọng H3 uống cà phê tại quán Tư Đ2 thuộc ấp M K, xã M Th, huyện U M T, Lúc này S và H3 bàn bạc đến nhà của bà Nguyễn Thị Bé Th1 (nhà bà Th1 bán tạp hóa) ấp M D, xã M Th, huyện U M T, S và H3 đi ra phía sau nhà, S dùng kéo (do S mang theo) cắt một lỗ tol ngay vách nhà sau rồi chui vào nhà bà Th1, còn H3 ở ngoài canh đường. Đột nhập vào nhà S vào phòng ngủ lục soát lấy trong hộc tủ giường 01 chiếc hộp thiết , trong đó có số tiền 2.030.000đ; 02 chiếc nhẫn vàng 18k và 15 thẻ card điện thoại loại thẻ Vinaphone mệnh giá 10.000đ. Sau đó, S đi ra trước nhà lấy 2 cây thuốc Khánh hội và 8 gói thuốc lá Hero rồi đi ra ngoài, đi đến chuồng gà thấy con gà trống đang úp trong bụi, S bắt con gà và bỏ số thuốc lá trộm được vào trong bao. Sau khi lấy trộm được tài sản, S và H3 đem về chòi của Th3 (chòi bỏ hoang) tại kinh 10 ấp M K, xã M Th. Lúc này S điện thoại cho Lê Tấn C kêu C chạy xe mô tô chở S và H3 đi thành phố C M để mua ma túy đá đem về sử dụng. Khi C chạy xe đến thì S điều khiển xe chở C và H3 đến nhà của Lê Thanh H4. Tại đây S đưa cho H4 số tiền 1.500.000đ, 2 chiếc nhẫn vàng 18k và 01 con gà trống đổi lấy 01 bịch ma túy đá của H4. S, C và H3 sử dụng ma túy đá tại nhà của H4, đến sáng ngày 28/11/2017 thì về nhà.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 19/Kl-HĐ ĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận:

- 01 chiếc nhẫn vàng 18k, 68% trọng lượng 07 phân, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 1.855.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn vàng 18k, 68% trọng lượng 03 phân 03 ly, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 874.500.000 đồng.

- 20 bao thuốc lá điều, nhãn hiệu Khánh hội, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 160.000 đồng.

- 01 con gà trống trọng lượng 2,3 kg, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 230.000 đồng.

- 15 thẻ card điện thoại loại thẻ Vinaphone, mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/card, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 142.500 đồng.

Tổng tài sản bị xâm hại trên có giá trị được định giá tại thời điểm bị xâm hại là 3.262.000 đồng.

Trong vụ này Đặng Văn S và Phạm Văn H3 trộm cắp tài sản tổng giá trị 5.292.000 đồng.

Vụ thứ 2:

Vào khoảng 20 giờ ngày 04/12/2017 Đặng Văn S và Phạm Trọng H3 đến nhà của Nguyễn Duy Th4 tại Kinh 10 ấp M K, xã M Th, huyện U M T chơi. Sau đó Th4 điều khiển xe chở S và H3 về, khi đi ngang nhà ông Lê Chiến Th2 ấp M K A, xã M Th, huyện U M T thì S và H3 thấy bên hông nhà có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well, biển kiểm soát 68S4-5499, S kêu Th4 dừng lại cho S và H3 xuống còn Th4 chạy xe về chợ M Th. S và H3 đi đến nhà ông Th2, S vào trộm, dẫn xe ra lộ rồi dùng tay bứt hệ thống điện lên xe đạp nổ máy rồi chở H3 đến nhà của Lê Thanh H4 tại phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. S và H3 đổi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68s4-5499 vừa trộm để lấy 01 bịch ma túy đá của H4, S và H3 sử dụng ma túy tại nhà của H4 đến sáng ngày 05/12/2017 thì về nhà.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 15/KL-HĐ ĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well, biển kiểm soát 68S4-5499 do Trung Quốc sản xuất, số máy FMH 10399202, số khung WE10010399202, dung tích xi lanh 108cm³, màu sơn: đỏ, xe đã qua sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 600.000 đồng.

Trong vụ này, S và H3 trộm cắp tài sản giá trị là 600.000 đồng.

Vụ thứ 3:

Vào khoảng 20 giờ ngày 24/12/2017 Đặng Văn S từ nhà của mình thuộc ấp Kinh 2. xã T Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang chạy xe mô tô biển kiểm soát 68U1- 1987 (xe của Huỳnh Thị K mẹ S) đến quán cà phê Tư Đ2 ấp M K, xã M Th, huyện U M T. Tại quán cà phê S rủ C, Th4 và H3 trộm xe mô tô (do S phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, biển kiểm soát 68L1-147.24 của Đặng Phú S1 đậu dưới mé sông, đối diện tiệm internet Nguyễn T2, chìa khóa vẫn còn để trong xe thì H3 đồng ý, còn Th4 và C không đồng ý.

S điều khiển xe chở H3 quay lại tiệm internet Nguyễn T2, thì H3 xuống xe đi đến chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Taurus, biển kiểm soát 68L1-147.24, H3 dẫn xe ra ngoài lộ đi một đoạn rồi lên xe đề máy chạy thẳng về hướng kênh 10 thì gặp C và Th4 nên S kêu Th4 và C chạy xe theo S đến 8.000 ấp Kinh 14, xã V Th, huyện V Th thì dừng xe lại. Lúc này S kêu C và Th4 chạy xe của S về trả cho mẹ S dùm, C và Th4 đồng ý nên S giao xe mô tô biển kiểm soát 68U1-1987 cho C chạy về nhà của S ấp Kênh 2, xã T Th, huyện V Th trả lại xe cho bà Huỳnh Thị K (mẹ ruột S), sau đó Th4 chở C về nhà ngủ. Còn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Taurus, biển kiểm soát 68L1-147.24 vừa trộm được của ông Đặng Phú S1 chở H3 đến nhà Lê Thanh H4 tại phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. S giao xe cho H4 để đổi lấy một bịch ma túy đá sử dụng, S và H3 lấy một ít ma túy đá sử dụng tại nhà của H4, còn lại một ít S đem về nhà rủ H3, C và Th4 sử dụng chung.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 10/KL-HĐ ĐG ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well, biển kiểm soát 68L1-147.24, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng - đen, số máy 16S1034799, số khung 6S109Y034792, số loại Taurus, dung tích 113.7, đăng ký lần đầu ngày 21/5/2009; đăng ký lần 2 ngày 01/3/2017, mua lại ngày 26/12/2016, giá mua 10.000.000 đồng, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 8.000.000 đồng.

Trong vụ này, S và H3 trộm cắp tài sản giá trị là 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 4:

Vào khoảng 18 giờ ngày 31/12/2017 Đặng Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68U1-1987 chở Phạm Trọng H3 đi từ chợ M Th ra chợ V Th, trên Đ2 đi S và H3 phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future FI màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68N1-212.48 của ông Lê Văn T2 đậu ngay trước nhà của ông Trần Văn H5 (ấp V L 1, xã T Th, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang) không người trông giữ, S dừng xe lại và giao xe biển kiểm soát 68U1-1987 cho H3 điều khiển, H3 ở ngoài lộ cạnh đường còn S dùng Th4 đoán tự chế bẻ khóa xe. Sau đó S điều khiển xe trộm được chạy thẳng đến nhà của H4 tại phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau, còn H3 thì điều khiển xe 68U1-1987 theo S nhưng không kịp nên quay về nhà. S điều khiển xe trộm được đến nhà của Lê Thanh H4 S đổi xe cho H4 lấy một bịch ma túy đá, S đem một ít ma túy đá ra sử dụng tại nhà của H4, còn lại một ít S đem về nhà S và H3 sử dụng chung.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 32/KL-HĐ ĐG ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V Th, kết luận:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future FI màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68N1-212.48, mua vào tháng 12 năm 2017, xe chưa đến thời điểm khấu hao, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 32.000.000 đồng.

Trong vụ này, S và H3 trộm cắp tài sản giá trị là 32.000.000 đồng.

Vụ thứ 5:

Vào khoảng 20 giờ ngày 07/02/2018 Đặng Văn S đến nhà của Lê Hữu Nh tại ấp M T, xã M Th, huyện U M T chơi. Đến khoảng 22 giờ, S nhờ Nh chạy xe mô tô đưa S về nhà. Khi đi về ngang nhà ông Võ Anh L ấp M C A, xã M Th, huyện U M T, S thấy trước sân có 02 chiếc xe mô tô không người trông giữ, S kêu Nh dừng lại. S nói dối với Nh là có công việc riêng nên kêu Nh chạy về nhà. Sau khi Nh chạy xe đi, S đi vào sân nhà của ông L, đến chỗ hai chiếc xe mô tô, S thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu MERITUS, biển kiểm soát 75H6-2410 của bà Phạm Kim H2 chìa khóa còn để trên xe, S trộm xe rồi điều khiển xe đi đến nhà của Lê Thanh H4 tại phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau đổi lấy một bịch ma túy đá đem về sử dụng.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 18/KL-HĐ ĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu MERITUS, biển kiểm soát 75H6-2410, do Trung Quốc sản xuất, số máy 50FMH-001141, số khung CH014UM-101141, dung tích xi lanh: 107 cm³, màu sơn: xanh, xe đã qua sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 300.000 đồng.

Vậy Trong vụ này, S và H3 trộm cắp tài sản giá trị là 300.000 đồng.

Vụ thứ 6:

Vào khoảng 23 giờ ngày 16/02/2018, Đặng Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68U1-1987 chở Phạm Trọng H3 trên đường đi S và H3 thấy bên hong nhà ông H5 (ấp M C A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang) có 2 chiếc xe mô tô không người trông giữ S dừng xe lại và giao xe 68U1-1987 cho H3 điều khiển, H3 ở ngoài lộ canh đường còn S đi vào trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOUVO, biển kiểm soát 67L1-535.28 của ông Ngô Quốc V gửi đậu bên hong nhà ông Nguyễn Văn H5. S dùng thanh đoãn tự chế bẻ khóa xe, do thắng đĩa bánh trước của xe có khóa bằng ổ khóa nên S không dẫn xe đi được. Sau đó S đi ra lên xe kêu H3 điều khiển xe chở S về nhà lấy một cây kiềm cộng lực (của S) đem đến dùng kiềm cộng lực cắt ổ khóa rồi dẫn xe ra lộ. S điều khiển xe trộm được, còn H3 điều khiển của S về nhà S. Khi về nhà, S điều khiển xe NOUVO biển kiểm soát 67L1-535.28 vừa trộm được chở H3 đến nhà của Lê Thanh H4

tại phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. Tại đây S giao xe cho H4 để đổi lấy ma túy đá sử dụng, S và H3 sử dụng ma túy đá tại nhà của H4 3 ngày rồi đi về nhà.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 17/KL-HĐ ĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO (NOUVO 4) biển kiểm soát 67L1-535.28, số máy 5P11-200381, số khung RLCN5P110AY200378, dung tích xi lanh: 132 cm³, màu sơn: vàng - nâu, xe đã qua sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 7.200.000 đồng.

Vậy Trong vụ này, S và H3 trộm cắp tài sản giá trị là 7.200.000 đồng.

Vụ thứ 7:

Lê Văn H và Đặng Văn S là bạn bè quen biết nhau từ trước. Vào khoảng 06 giờ ngày 21/5/2018, Lê Văn H chạy xe mô tô biển kiểm soát 68M6-1390 (xe của Võ Chí Kh do H mượn) chở Đặng Văn S đi từ nhà của H thuộc ấp M C A, xã M Th, huyện U M T đến nhà bà Lê Thị Th6 (chị ruột H) thuộc ấp M K, xã M Th để H lấy sổ hộ khẩu đi làm giấy chứng minh nhân dân, sau đó H chở S quay về. Trên đường về đến ngã ba kênh huyện đội thuộc ấp C M, xã M Th, huyện U M T, H và S thấy xe mô tô nhãn hiệu Future Fi của ông Lê Hoàng D đậu cặp mé lộ trên xe có để một giỏ xách đựng của biển, trong giỏ xách có tổng cộng 19,05kg (mười chín phẩy không năm kilogam) của biển không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm giỏ xách của đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Lúc này H dừng xe lại, H kêu S đi đến chiếc xe của ông D lấy giỏ xách của của ông D nhưng S khênh không được (do nặng và cồng kênh), sau đó H giao xe mô tô biển kiểm soát 68M6-1390 cho S điều khiển, còn H đi đến lấy giỏ xách của của ông D rồi lên xe. S điều khiển xe chở H cùng giỏ xách của đi quay ra hướng xã M Th đến 800 kinh 2 theo lộ đal kinh 12 rồi ra lộ xuyên Á chạy đi đến huyện A M. Trên đường đi, H điện thoại cho Nguyễn Văn Tr là bạn của H ở ấp K Q A1, xã V K T, huyện A M, tỉnh Kiên Giang, H kêu Tr chạy xe lên lộ xuyên Á đến rước H về nhà Tr chơi.

Khi S chạy xe chở H đi trên lộ xuyên Á thì gặp Tr, lúc này H đưa cho S 400.000 đồng và kêu S chạy xe mô tô biển kiểm soát 68M6-1390 về trả cho Võ Chí Kh, còn H thì lên xe của Tr đi về nhà Tr. Trên đường chạy xe về nhà Tr thì H gặp một Th4 niên đi thu mua của đạo nên H bán tất cả số của trộm được cho người Th4 niên này với số tiền 1.497.000 đồng. Sau đó, H đến thị trấn thứ 11, huyện A M chơi, còn S chạy thì chạy xe về trả cho Võ Chí Kh. Đến khoảng 15 giờ ngày 21/5/2018 S chạy xe chở Nguyễn Kim Ch (bạn gái S) đến thị trấn thứ 11 gặp H. Lúc này, H đưa cho S thêm 400.000 đồng tiền

bán cua có được. S về nhà còn H ở lại thị trấn thứ 11, huyện A M lẫn trốn và tiêu xài hết số tiền trên.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số : 13/KL-HĐ ĐG ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 19.05kg cua biển nuôi, loại cua y, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 3.326.500 đồng.

Vậy Trong vụ này, S và H trộm cắp tài sản giá trị là 3.326.500 đồng.

Vật chứng trong vụ án:

01 cây kiếm cộng lực có tổng chiều dài 37cm, trên lưỡi kiếm có số "350" và "14", kiếm đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 10/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Đặng Văn S và Lê Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 03 đến 04 tháng tù.

Về trách Nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Đặng Văn S liên đới bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị Bé Th1 số tiền 5.292.000 đồng; Lê Chiến Th2 với số tiền 600.000 đồng; Đặng Phú S1 với số tiền 8.000.000 đồng; Lê Văn T2 với số tiền 32.000.000 đồng; Phạm Kim H2 với số tiền là 300.000 đồng và Ngô Quốc V với số tiền 7.200.000 đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận, tự nguyện khắc phục của gia đình bị cáo Lê Văn H với Lê Hoàng D, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo S và H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố. Hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Bảo Đ1, Đặng Thị B, Đặng Văn T1, Phạm Kim H2, Lê Chiến Th2 yêu cầu các bị cáo S và H bồi thường trị giá tài sản bị mất và yêu cầu xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo trình bày: các bị cáo S và H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Đặng Văn S cùng Phạm Trọng H3 và Lê Văn H là bạn bè quen biết nhau từ trước. Vào cuối năm 2017, S và H3 là những đối tượng nghiện ma túy, thường sử dụng ma túy đá chung với nhau. Để có tiền mua ma túy đá sử dụng, S và H3 đã lợi dụng lúc đêm tối, sự sơ hở của những bị hại thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản sau đó đem tài sản trộm được đến phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau để đổi ma túy của Lê Thanh H4 sử dụng.

Từ ngày 27/11/2017 đến ngày 21/5/2018 Đặng Văn S đã thực hiện tổng cộng 7 vụ trộm cắp tài sản trên đại bàn huyện U M T và huyện V Th, tỉnh Kiên Giang, tài sản trộm có tổng giá trị là 56.718.500 đồng, (trong đó cùng Phạm Trọng H3 thực hiện 5 vụ định giá 53.392.000 đồng và cùng Lê Văn H thực hiện 1 vụ được định giá là 3.326.500 đồng).

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và theo thông báo kết luận của Hội đồng định giá tài sản thì tổng giá trị tài sản bị cáo Đặng Văn S chiếm đoạt là

56.718.500 đồng (trong đó bị cáo Lê Văn H cùng thực hiện với bị cáo S 01 vụ trị giá số tiền 3.326.500 đồng), đủ cơ sở kết luận. Các bị cáo Đặng Văn S và Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và rất nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya người dân ngủ say, không cảnh giác, các bị cáo lén lút, đột nhập vào nhà những bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản (xe, vàng, tiền, cua ...) hành vi của các bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, để đổi ma túy sử dụng và bán tài sản đã chia nhau tiêu xài cá nhân; các bị cáo bất chấp thủ đoạn lén lút, liêu lĩnh và tinh vi. Bị cáo S tổ chức trộm cắp nhiều lần có tính chuyên nghiệp, tài sản lấy trộm chủ yếu xe mô tô và các tài sản có giá trị khác, hậu quả trộm cắp tài sản có giá trị 56.718.500 đồng.

Đối với bị cáo Đặng Văn S là T khởi xướng, rủ rê, trực tiếp cùng với các bị cáo H3 và H đi trộm cắp, là người dùng xe biển kiểm soát 68U1-1987 (xe mẹ ruột bị cáo S) chở H3 thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần có vai trò quyết định trong vụ án. Bị cáo tham gia 7 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V Th, U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đối với bị cáo Lê Văn H cùng S đi trộm cắp tài sản, thực hiện phạm tội tham gia tích cực là người dùng xe mô tô chở bị cáo S và là người trực tiếp trộm giỏ xách cua, Bị cáo cùng S thực hiện 01 vụ tài sản trộm có giá trị là 3.326.500 đồng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Đặng Văn S ngày 22/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 28/02/2017, chưa được xóa án tích.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại D 3.326.500 đồng (do Nguyễn Hoài Th4 đã nộp); bị cáo S tạm nộp số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S từ 15 đến 18 tháng tù là chưa phù hợp.

Bị cáo S và H xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

Đối với hành vi của Lê Thanh H4 (cư ngụ khóm 5 phường 9, thành phố C M, tỉnh Cà Mau) sau khi Đặng Văn S và Phạm Trọng H3 trộm cắp tài sản đem đến nhà H4 để đổi ma túy đã sử dụng. Hiện nay Lê Thanh H4 đã bỏ địa phương, không biết ở đâu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U M T chưa làm việc được với Lê Thanh H4 nên chưa đủ căn cứ để khởi tố. Quá trình điều tra có đủ căn cứ khởi tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U M T sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của Lê Tấn C và Nguyễn Duy Th4, ngày 24/12/2017 khi Đặng Văn S phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Taurus, biển kiểm soát 68L1-147.24 của Đặng Phú S1 đậu dưới mé sông, Đặng Văn S rủ C và Th4 lấy trộm xe đem đi Cà Mau để đổi ma túy về sử dụng thì C và Th4 không đồng ý và không thực hiện hành vi trộm cắp nên hành vi của C và Th4 không cấu thành tội phạm.

Đối với Phạm Trọng H3 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam, bị can Phạm Trọng H3 đã bỏ trốn khỏi đại phương, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã số 04 ngày 20/7/2018 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra số 06 ngày 17/9/2018 đối với Phạm Trọng H3 khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[6] Về các vấn đề khác:

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng: 01 cây kiếm cộng lực có tổng chiều dài 37cm, trên lưỡi kiếm có số "350" và "14", kiếm đã qua sử dụng;

Riêng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68U1-1987 của bà Huỳnh Thị K (mẹ bị cáo S) và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68M6-1390 của Võ Chí Kh do bị cáo H dùng làm phương tiện đi trộm. Cơ quan điều tra không thu giữ, Viện kiểm sát không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách Nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn S bồi thường thiệt hại tài sản cho những bị hại tổng số tiền 56.718.500 đồng (trong đó bị cáo Lê Văn H cùng chịu một vụ số tiền 3.326.500 đồng) cụ thể:

1/ Phạm Kim H2 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 300.000 đồng (bị cáo S chịu);

2/ Ngô Quốc V trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 7.200.000 đồng (bị cáo S chịu)

3/ Nguyễn Thị Bé Th1 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 5.292.000 đồng (bị cáo S chịu);

4/ Lê Văn T2 và Đặng Thị B trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 32.000.000 đồng (bị cáo S chịu);

5/ Lê Chiến Th2 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 600.000 đồng (bị cáo S chịu);

6/ Đặng Văn T1 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 8.000.000 đồng (bị cáo S chịu);

Tổng số tiền bị cáo S phải bồi thường cho những bị hại số tiền 53.392.000 đồng. Khấu trừ số tiền gia đình bị cáo S đã tạm nộp khắc phục hậu quả 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 03744 ngày 05/11/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện U M T. Số tiền còn lại bị cáo S tiếp tục bồi thường cho những bị hại là 50.392.000 đồng.

7/ Buộc bị cáo Đặng Văn S và Lê Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Hoàng D trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 3.326.500 đồng (bị cáo S và H chịu). Bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận khắc phục cho ông D số tiền 3.370.000 đồng xong, không yêu cầu bị cáo S hoàn trả và ông D không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn S và Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2018.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 04 (bốn) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày từ ngày 25/6/2018 đến ngày 24/9/2018.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng: 01 cây kiếm cộng lực có tổng chiều dài 37cm, trên lưỡi kiếm có số "350" và "14", kiếm đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 14/QĐ-CGVC ngày 10/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Đặng Văn S bồi thường thiệt hại tài sản cho những bị hại:

1/ Phạm Kim H2 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 300.000 đồng (bị cáo S chịu);

2/ Ngô Quốc V trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 7.200.000 đồng (bị cáo S chịu)

3/ Nguyễn Thị Bé Th1 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 5.292.000 đồng (bị cáo S chịu);

4/ Lê Văn T2 và Đặng Thị B trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 32.000.000 đồng (bị cáo S chịu);

5/ Lê Chiến Th2 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 600.000 đồng (bị cáo S chịu);

6/ Đặng Văn T1 trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 8.000.000 đồng (bị cáo S chịu);

Còn lại tổng số tiền bị cáo S bồi thường cho những bị hại số tiền 53.392.000 đồng. Khấu trừ số tiền gia đình bị cáo S đã tạm nộp khắc phục hậu quả số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 03744 ngày 05/11/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện U M T. Số tiền còn lại bị cáo S tiếp tục bồi thường cho những bị hại là 50.392.000 đồng.

7/ Buộc bị cáo Đặng Văn S và Lê Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Hoàng D trị giá tài sản bị xâm hại với số tiền là 3.326.500 đồng (bị cáo S và H chịu). Bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận khắc phục cho ông D số tiền 3.370.000 đồng

xong, không yêu cầu bị cáo S hoàn trả và ông D không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo S được quyền yêu cầu Phạm Trọng H3 hoàn trả số tiền theo tỷ lệ của từng bị cáo quy định pháp luật.

5. **Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Đặng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.669.600 đồng.

6. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện U M T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện U M T;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người DD hợp pháp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

Châu Văn Ân